

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn

Năm báo cáo: 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3000.333.195 do Sở KHĐT Hà Tĩnh cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 17/5/2018;
- Vốn điều lệ: 285.620.000.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu: 350.062.069.834 đồng
- Địa chỉ: Km70, Quốc lộ 8A, xã Sơn Kim1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh;
- Số điện thoại: 0945.024.589
- Email: huongsonGSM@gmail.com
- Website: thuydienhuongson.vn
- Mã cổ phiếu : GSM

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Ngày thành lập (Quyết định góp vốn): 10 tháng 3 năm 2003;
 - + Ngày đi vào vận hành phát điện thương mại: Tháng 1 năm 2011
 - + Ngày được chấp thuận là Công ty đại chúng: 19 tháng 11 năm 2014;
- Các sự kiện khác.

+ Ngày hoàn thành công trình: 3 năm 2012;

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- Địa bàn kinh doanh: Sản xuất điện hòa vào mạng lưới điện Quốc gia.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.

Bao gồm:

- + Đại Hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban Tổng giám đốc
- + Các phòng, bộ phận trong Công ty gồm:



- ++ Phòng Tổ chức – Hành chính;
- ++ Phòng Quản lý Kỹ thuật – Công nghệ (Có Tổ QLVH Đường dây)
- ++ Bộ phận Nhà máy: Gồm các ca vận hành, Tổ VH đầu mối, Tổ Kỹ thuật;
- ++ Phòng Tài chính kế toán – Kinh tế;
- ++ Phòng Quản lý Dự án.

– **Cơ cấu bộ máy quản lý.** Bao gồm:

- + Đại Hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban Tổng giám đốc

– **Các công ty con, công ty liên kết:** Không;

5. Định hướng phát triển

– **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.**

- + Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- + Đầu tư xây dựng dự án thủy điện Hương Sơn 2, mang lại hiệu suất vận hành cao cho cả cụm Dự án.

– **Chiến lược phát triển trung và dài hạn.**

- + Tập trung quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Hương Sơn đạt hiệu suất cao;
- + Đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2;
- + Đầu tư các Dự án sử dụng nguồn năng lượng tái tạo;

– **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

Công ty đang sử dụng nguồn nguyên liệu sạch và sản phẩm tạo ra cũng là sản phẩm sạch, an toàn cho môi trường, mang lại nguồn điện năng không nhỏ góp phần vào sự phát triển của đất nước (Khai thác hiệu quả Dự án giảm phát khí thải Carbon - CDM);

6. Các rủi ro:

* **Rủi ro kinh tế:**

• **Tốc độ tăng trưởng kinh tế:** Tốc độ tăng trưởng kinh tế quốc gia sẽ ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp điện cơ bản, đặc biệt là thủy điện. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh sẽ kéo theo sự gia tăng nhu cầu về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh, các công trình xây dựng mới, nhà ở... để từ đó tăng nhu cầu sử dụng điện. Ngược lại khi nền kinh tế có bất ổn hay suy thoái sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu tiêu thụ điện tại tất cả các mặt trong đời sống của ngành điện nói chung và của Công ty nói riêng.

Nhìn chung, thị trường đang dần trên đà phục hồi, các doanh nghiệp cũng đang cải thiện được tình hình sản xuất, kinh doanh của mình và ngành thủy điện cũng không phải là một ngoại lệ. Đây chính là yếu tố mà Công ty Cổ phần Thủy Điện Hương Sơn cần nắm bắt nếu như Công ty muốn tăng trưởng hoạt động kinh doanh.

• **Lãi suất:** Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, vốn vay là một phần quan trọng và chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong nguồn vốn hoạt động. Lãi suất biến động sẽ có những tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty. Khi lãi suất tăng sẽ kéo theo chi phí sử dụng vốn tăng, làm lợi nhuận của doanh nghiệp giảm xuống và ngược lại.

*** Rủi ro Luật pháp:**

Là một Công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, luật thuế... và các Nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn dưới Luật. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn bản liên quan.

Mặt khác Công ty hiện nay là Công ty đại chúng và giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung, do vậy, hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán, các văn bản hướng dẫn và các quy định về nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp Công ty hạn chế được những rủi ro này.

*** Rủi ro kinh doanh:**

Ngoài những rủi ro trên, hoạt động của Công ty CP Thủy Điện Hương Sơn còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù trong ngành thủy điện như rủi ro thời tiết. Đối với các Công ty thủy điện thì diễn biến thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động. Đây là rủi ro đặc thù của ngành thủy điện. Lượng mưa là nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty thủy điện. Trước sự biến đổi khí hậu công việc dự báo thời tiết trở nên khó khăn hơn, từ đó ảnh hưởng đến việc dự báo cũng như lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự báo doanh thu lợi nhuận của Công ty.

*** Rủi ro biến động giá cổ phiếu:**

Việc Công ty cổ phần Thủy Điện Hương Sơn đưa cổ phiếu lên giao dịch tại thị trường chứng khoán sẽ góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp cũng như tăng cường tính thanh khoản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể là do cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội hay sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Công ty cổ phần Thủy điện Hương Sơn đã chủ động công bố thông tin đối với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và một số đơn vị liên quan khác nhằm giúp khách hàng và nhà đầu tư có những thông tin tin cậy và chính xác về các hoạt động của Công ty.

*** Rủi ro khác:**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2019

11/01/2019 09:55:20 AM [0/1]

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 cụ thể như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch | Thực hiện | TH/KH (%) |
|----|----------------------|-----------|----------|-----------|-----------|
| 1 | Sản lượng điện | Triệu Kwh | 120 | 90 | 75,0 |
| 2 | Tổng giá trị SXKD | Tỷ đồng | 141,363 | 117,840 | 83,4 |
| 3 | Doanh thu | Tỷ đồng | 128,512 | 107,127 | 83,4 |
| 4 | Chi phí | Tỷ đồng | 108,935 | 97,060 | 89,1 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 19,577 | 10,067 | 51,4 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 18,598 | 9,392 | 50,5 |
| 7 | Nộp NSNN | Tỷ đồng | 30,921 | 20,517 | 66,4 |

* Nguyên nhân không đạt kế hoạch lợi nhuận:

Năm 2019, lượng nước đổ về hồ Nước lạnh chỉ đạt trung bình 2,72 m³/s; thấp hơn rất nhiều so với các năm trước (chỉ bằng 53,6 % so với thiết kế, bằng 53,23 % so với năm 2017 và bằng 98,19 % so với năm 2018); tuy nhiên với sự chỉ đạo lập kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia Ao, đồng thời nghiêm túc thực hiện việc chạy máy đạt hiệu quả, sản lượng chỉ đạt 75 % nhưng tổng doanh thu đạt 83,4 % so với kế hoạch, dẫn đến doanh thu, lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

- + Ông Đặng Văn Thế - Tổng giám đốc;
- + Ông Nguyễn Huy Tuấn - Phó Tổng giám đốc;
- + Ông Nguyễn Văn Hiệp - Kế toán trưởng;

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông Đặng Văn Thế được bổ nhiệm lại chức vụ Tổng giám đốc điều hành Công ty kể từ ngày 10/5/2019.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 61 người

- **Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:** Các chính sách đối với người lao động được thực hiện theo các quy định của Nhà nước về tiền lương, bảo hiểm và an toàn, bảo hộ lao động đầy đủ. Hàng năm Công ty tổ chức Hội nghị người lao động và ký thỏa ước lao động nhằm đảm bảo quyền và lợi ích cho người lao động.

- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Hiện tại, Nhà máy thủy điện Hương Sơn (Bậc 2) với Công suất lắp máy 6,4 MW; Dự án đã được Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, Bộ tài nguyên và môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thẩm định thiết kế cơ sở và đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn phê duyệt dự án đầu tư. Hiện tại, Công ty đang gấp rút thực hiện các thủ tục xin cấp đất rừng, song hành với việc thu xếp nguồn vốn thực hiện dự án.

3. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | % Tăng (giảm) |
|---|-----------------|-----------------|---------------|
| <i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i> | | | |
| Tổng giá trị tài sản | 606.296.359.251 | 586.247.492.135 | Giảm 3,31 % |
| Doanh thu thuần | 116.852.912.473 | 107.127.384.659 | Giảm 8,32 % |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 15.507.991.642 | 10.339.246.305 | Giảm 33,33 % |
| Lợi nhuận khác | (9.677.811.552) | (271.727.810) | |
| Lợi nhuận trước thuế | 5.830.180.090 | 10.067.518.495 | Tăng 72,68 % |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.380.403.108 | 9.391.608.135 | Tăng 74,57 % |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | | | |

a) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 0,869 | 1,036 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: <u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn | 0,858 | 1,025 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,438 | 0,403 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,780 | 0,675 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân | 161,295 | 131,627 | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,25 | 0,18 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,046 | 0,088 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,016 | 0,027 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,009 | 0,016 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,133 | 0,10 | |

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) **Cổ phần:** 28.562.000.000 cổ phần.

b) **Cơ cấu cổ đông:**

| TT | Tên cổ đông | Số lượng CP (Mệnh giá: 10.000/ CP) | Tỷ lệ (%) |
|----|---|--|------------|
| 1 | Công ty CP dịch vụ khách sạn Kim Thành | 7.620.380 | 26,68 |
| 2 | Tổng công ty Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh - CTCP | 5.640.000 | 19,75 |
| 3 | Công ty TNHH Đại Hiệp | 2.856.220 | 10,00 |
| 4 | Nguyễn Thị Nhân Ái | 2.917.300 | 10,21 |
| 5 | Nguyễn Thị Minh | 1.729.900 | 6,06 |
| 6 | Trần Thị Kim Thoa | 2.856.200 | 10 |
| 7 | Các cổ đông nhỏ khác | 4.942.000 | 17,30 |
| | Tổng | 28.562.000 | 100 |

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Tổng số vốn đầu tư không thay đổi, chỉ chuyển quyền sở hữu từ cổ đông này sang cổ đông khác.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không.

e) **Các chứng khoán khác:** Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc gồm các nội dung sau:

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** Như báo cáo ở trên.

2. **Tình hình tài chính**

a) **Tình hình tài sản**

Tài sản của Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn bao gồm tài sản ngắn hạn (Tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho...). Tuy nhiên tài sản chính của Công ty chính là tài sản dài hạn (Bao gồm các tài sản cố định là các hạng mục công trình và một số tài sản khác). Trong năm qua, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty không được cao do thời tiết không ủng hộ, lượng nước về hồ Nước lạnh rất thấp, tuy nhiên các hạng mục công trình hoạt động ổn định và không xảy ra hư hỏng lớn...

b) **Tình hình nợ phải trả**

- *Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.*

Hiện tại, các khoản nợ của Công ty tương đối lớn. Công ty vẫn đang tích cực tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh để trả dần các khoản vay.

- *Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:*

Năm 2018, được sự giúp đỡ của các cổ đông lớn và các Ủy viên Hội đồng quản trị, Công ty đã hoàn thành việc xóa nợ quá hạn tại Ngân hàng phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tĩnh (VDB), hiện tại đến thời điểm báo cáo Công ty đang vay Ngân hàng ngoại thương Vietcombank – Chi nhánh Bắc Hà Tĩnh với hạn mức là 197,58 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty đã, đang và sẽ tiếp tục cử cán bộ đi học các lớp tập huấn nghiệp vụ và các lớp đào tạo về chuyên ngành quản lý để xây dựng doanh nghiệp với bộ máy quản lý vững chắc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty đang có một nhiệm vụ rất lớn song hành cùng việc điều hành Sản xuất phát điện thương mại đó là đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2019, tập thể CBCNV Công ty cổ phần Thủy điện Hương Sơn đã đoàn kết, cùng nhau thi đua lao động sản xuất vì mục tiêu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đã được các Cổ đông thống nhất thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019. Thực tế một số thành quả đạt được rất đáng khích lệ như:

- Tập trung chỉ đạo và vận hành các tổ máy; luôn nhanh chóng trong việc thanh toán tiền điện hàng tháng với Công ty Mua bán điện;

- CBCNV Công ty đã tích cực nghiên cứu các phương án làm tăng nguồn nước về hồ cũng như tăng dung tích chứa nước cho hồ thủy điện khi có lũ về, điều này đã làm sản lượng phát điện tăng 2 triệu kwh mang lại doanh thu hơn 2 tỷ đồng cho Công ty;

- Kiểm tra, gia cố bổ sung kênh dẫn nước Nậm Luông nhằm giảm lượng nước tràn ra ngoài kênh khi có nguồn nước lớn đổ về.

- Sửa chữa cánh van đập tràn nhằm tăng hiệu quả tích nước trong hồ;

- Vận hành hiệu quả theo cơ chế thị trường phát điện cạnh tranh;

- Tiền lương của CBCNV được cải thiện so với năm trước;

- Toàn thể CBCNV đoàn kết, yên tâm công tác, trau dồi học hỏi và phát huy những kiến thức sẵn có, tích cực sáng tạo, cống hiến hết mình cho Công ty.

- Sắp xếp lại bộ máy tổ chức trong Công ty nhằm hoạt động hiệu quả hơn.

- Đàm phán và ký Hợp đồng Mua bán điện cho Cụm dự án Hương Sơn – Hương Sơn 2 (Áp dụng chi phí 3 giá tránh được khi Dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2 đi vào vận hành thương mại);

- Hoàn thành tốt công tác phòng chống thiên tai; đảm bảo giao thông, vận hành sản xuất đảm bảo an toàn về con người và tài sản

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

31/1
T
DIỆ
ISO
NT

Ban giám đốc đã xây dựng được chương trình công tác cụ thể cho từng tháng, quý, năm trên cơ sở chương trình công tác đó để điều hành và chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị an toàn và hiệu quả như báo cáo ở trên.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Quản trị, đưa ra những quyết sách để điều hành vận hành an toàn Nhà máy, phát điện trong điều kiện có lợi nhất cả về giá bán, thời điểm, lượng nước;
- Chăm lo đời sống cho CBCNV, không ngừng nâng cao đào tạo đội ngũ vận hành, kỹ sư, cán bộ quản lý;
- Lập kế hoạch khoa học thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020;
- Khai thác hợp lý, hiệu quả Dự án bán khí giảm phát thải (CDM);
- Hoàn tất các thủ tục đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2 để khởi công;
- Thực hiện đúng, hoàn thành tốt trách nhiệm của Hội đồng quản trị trước Đại Hội đồng cổ đông sau đại hội này với các quy định cụ thể về trách nhiệm/quyền hạn tại điều lệ Công ty và quy định của Nhà Nước về trách nhiệm/Quyền hạn của Hội đồng quản trị về quản trị với công ty đại chúng.
- Quan hệ tốt với các cơ quan Bộ ngành Trung ương và địa phương để thực hiện tốt các nhiệm vụ SXKD, nhiệm vụ đầu tư.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|----|-------------------|---------------|---------|
| 1 | Nguyễn Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT | |
| 2 | Trần Thị Kim Thoa | Ủy viên HĐQT | |
| 3 | Nguyễn Thị Hà | Ủy viên HĐQT | |
| 4 | Trương Hữu Phúc | Ủy viên HĐQT | |
| 5 | Bùi Chí Thiệp | Ủy viên HĐQT | |
| 6 | Nguyễn Mạnh Thái | Ủy viên HĐQT | |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có;

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã rất sát sao trong việc chỉ đạo, quyết định và giám sát các nội dung công việc đã thông qua. Năm 2019, đã tổ chức 04 cuộc họp Hội đồng quản trị, thống nhất được các nội dung quan trọng mang lại lợi ích lớn cho đơn vị. Cụ thể:

- Ban chấp hành Đảng ủy Công ty, Hội đồng quản trị Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng và Ban hành quy chế phối hợp làm việc chi tiết, cụ thể để làm căn cứ phối hợp trong quá trình hoạt động.

- Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản trong công tác quản lý mọi hoạt động của đơn vị: Nghị quyết, Quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, phối hợp làm việc... để triển khai kịp thời các nội dung công việc do Đảng ủy cấp trên, Đại hội đồng Cổ đông, của các cơ quan lý Nhà nước.

- Thực hiện chức trách nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo đúng : Điều lệ tổ chức và hoạt động doanh nghiệp, các quy chế, quy định, quyết định,... do Nhà nước, Hội đồng quản trị ban hành, sát thực với tình hình điều kiện thực tế của Công ty, của Cổ đông chi phối, của Đại hội đồng cổ đông. Các chỉ thị, nghị quyết, quyết định đủ tính pháp lý, kịp thời làm cơ sở đảm bảo Ban điều hành triển khai toàn bộ nội dung hiện hữu và nội dung phát sinh thực tế tại đơn vị.

- Phê duyệt, ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ theo đề nghị của Ban giám đốc điều hành.

- Quản lý, điều hành Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Chủ động quan hệ với địa phương, các Bộ ngành Trung ương, đơn vị chủ quản ngành góp phần tăng thêm sức mạnh, tìm kiếm sự ủng hộ cho hoạt động phát triển của Công ty, nhất là Công ty đang đối diện các khó khăn nêu trên. Thời gian quan công tác đối ngoại mang lại hiệu quả to lớn cho hoạt động toàn diện của Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, cho ý kiến về các nội dung trình của Tổng giám đốc nhằm đi đến thống nhất nội dung triển khai thực hiện.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có;

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không có;

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|----|----------------|--------------------------|-------------------|
| 1 | Bùi Văn Minh | Trưởng Ban kiểm soát | |
| 2 | Phạm Tiến Dũng | Thành viên Ban kiểm soát | Đã có đơn từ chức |
| 3 | Trần Đức Tao | Thành viên Ban kiểm soát | |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thường xuyên được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị để nắm bắt rõ các nội dung công việc được thông qua, qua đó theo dõi, giám sát việc thực hiện đảm bảo đúng quy định và lợi ích hợp pháp cho đơn vị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019, cụ thể: Tiền lương và thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty thực hiện năm 2019 như sau:

| TT | Chức danh | Số người | KH (Triệu đồng) | TH (Triệu đồng) | Chênh lệch (Triệu đồng) | Ghi chú |
|----|----------------|----------|-----------------|-----------------|-------------------------|---------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 72 | 72 | 0 | Thù lao |
| 2 | Ủy viên HĐQT | 6 | 360 | 360 | 0 | Thù lao |
| 3 | Trưởng BKS | 1 | 60 | 60 | 0 | Thù lao |
| 4 | Thành viên BKS | 2 | 96 | 96 | 0 | Thù lao |
| | Cộng | 10 | 588 | 588 | 0 | |

• Ban Tổng giám đốc:

| TT | Chức danh | Số người | Kế hoạch | Thực hiện | Chênh lệch | Ghi chú |
|----|-------------------|----------|-------------|-------------|------------|---------|
| 1 | Tổng giám đốc | 1 | 264.000.000 | 254.290.877 | 9.709.123 | Giảm |
| 2 | Phó Tổng giám đốc | 1 | 216.000.000 | 206.507.483 | 9.492.517 | Giảm |
| 3 | Kế toán trưởng | 1 | 216.000.000 | 202.055.098 | 3.944.902 | Giảm |

Nguyên nhân chênh lệch:

Tiền lương năng suất Ban giám đốc được hưởng tương ứng với mức hoàn thành kế hoạch doanh thu bán điện đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt. Vì vậy, năm 2019 doanh thu giảm so với kế hoạch, dẫn đến tiền lương của Ban Tổng giám đốc cũng giảm theo.

b) **Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ:**

| TT | Tên cổ đông | Chức vụ | Số CP trước khi giao dịch | Số CP mua thêm | Số CP bán đi | Số CP sau khi giao dịch | Ghi chú |
|----|-------------------|--------------|---------------------------|----------------|--------------|-------------------------|---------|
| 1 | Nguyễn Mạnh Thái | Ủy viên HĐQT | 2.856.200 | 0 | 2.856.200 | 0 | Giảm |
| 2 | Trần Thị Kim Thoa | Ủy viên HĐQT | 0 | 2.856.200 | 0 | 2.856.200 | Tăng |
| 2 | Bùi Chí Thiệp | Ủy viên HĐQT | 1.729.900 | 0 | 1.729.900 | 0 | Giảm |

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ hoặc người có liên quan:

Hợp đồng số: 12/2019/HĐKT-XD ngày 04/5/2019 giữa GSM và Công ty CP Thái Phát Đạt về việc Xử lý, khắc phục hậu quả do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới. Công ty CP Thái Phát Đạt có Ông Nguyễn Bá Thiên (là Chồng của Bà Trần Thị Kim Thoa - Ủy viên HĐQT và là em của Ông Nguyễn Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT Công ty) làm Giám đốc và là Người đại diện theo Pháp luật.

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:** Công ty đã tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện theo đúng điều lệ tổ chức hoạt động cũng như quy định quản trị Công ty trên cơ sở đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và tổ chức.

VI. Báo cáo tài chính: Có các Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kèm theo (*Chi tiết xem Báo cáo tài chính sau kiểm toán đã được Công bố trên thị trường và Website của Công ty*).).

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



Dặng Văn Thọ



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Mẫu số B01 - DN | |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Đơn vị tính: VND | 01/01/2019 |
| | | | 31/12/2019 | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 45.706.149.316 | 30.458.765.745 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 19.955.392.441 | 11.519.846.018 |
| 1. Tiền | 111 | 5 | 19.955.392.441 | 11.519.846.018 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 25.007.221.360 | 18.241.293.648 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 24.621.102.823 | 17.830.334.226 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 247.166.400 | 320.327.864 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7 | 138.952.137 | 331.958.922 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 8 | - | (241.327.364) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | | 463.529.529 | 375.445.246 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 9 | 463.529.529 | 375.445.246 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 280.005.986 | 322.180.833 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 10.1 | 280.005.986 | 322.180.833 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 540.541.342.819 | 575.837.593.506 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 519.831.733.705 | 555.143.541.833 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 13 | 519.830.067.050 | 555.124.875.178 |
| - Nguyên giá | 222 | | 803.775.720.049 | 803.010.013.999 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (283.945.652.999) | (247.885.138.821) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 1.666.655 | 18.666.655 |
| - Nguyên giá | 228 | | 229.326.317 | 229.326.317 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (227.659.662) | (210.659.662) |
| II. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 17.114.035.764 | 17.030.311.049 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 12 | 17.114.035.764 | 17.030.311.049 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3.595.573.350 | 3.663.740.624 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 10.2 | 3.595.573.350 | 3.663.740.624 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 586.247.492.135 | 606.296.359.251 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B01 - DN
 Đơn vị tính: VND
 01/01/2019

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 236.185.422.301 | 265.625.897.552 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 44.131.422.301 | 35.045.897.552 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 14 | 3.511.600.949 | 2.817.284.419 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 15 | 8.411.966.942 | 5.129.156.677 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 733.114.330 | 774.056.822 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 16 | 611.506.990 | 350.460.493 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 17 | 19.918.268 | 31.074.467 |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 18.1 | 29.526.000.000 | 24.500.000.000 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.317.314.822 | 1.443.864.674 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 192.054.000.000 | 230.580.000.000 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 18.2 | 192.054.000.000 | 230.580.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 350.062.069.834 | 340.670.461.699 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 350.062.069.834 | 340.670.461.699 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 19 | 285.620.000.000 | 285.620.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 285.620.000.000 | 285.620.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 19 | 55.050.461.699 | 15.569.917.305 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 19a | 9.391.608.135 | 39.480.544.394 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | 34.100.141.286 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 9.391.608.135 | 5.380.403.108 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 586.247.492.135 | 606.296.359.251 |

Người lập biểu



Nguyễn Văn Hiệp

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hiệp



Đặng Văn Thế

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2018

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019 | |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 21 | 107.127.384.659 | 116.852.912.473 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 21 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 21 | 107.127.384.659 | 116.852.912.473 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 22 | 61.012.946.227 | 60.557.436.799 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 46.114.438.432 | 56.295.475.674 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 23 | 5.520.385 | 12.794.598 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 24 | 24.661.191.466 | 30.540.916.081 |
| - Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 24.660.808.673 | 30.540.625.389 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 25 | 11.119.521.046 | 10.259.362.549 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | 10.339.246.305 | 15.507.991.642 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | 26 | 271.727.810 | 9.677.811.552 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | (271.727.810) | (9.677.811.552) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 10.067.518.495 | 5.830.180.090 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 28 | 675.910.360 | 449.776.982 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 9.391.608.135 | 5.380.403.108 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 29 | 329 | 188 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hiệp



Nguyễn Văn Hiệp



Đặng Văn Thế

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2019

Mẫu số B03 - DN

Đơn vị tính: VND

Năm 2018

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019 | Năm 2018 |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 10.067.518.495 | 5.830.180.090 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 36.051.954.326 | 35.738.675.172 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | 23 | (5.260.818) | (12.726.634) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 24 | 24.660.808.673 | 30.540.625.389 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 70.775.020.676 | 72.096.754.017 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (6.765.927.712) | (2.203.417.064) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (88.084.283) | (101.234.991) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 3.714.648.826 | (2.632.341.820) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 110.342.121 | 242.090.317 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (24.399.762.176) | (33.098.264.241) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 16 | (465.531.082) | (2.865.040.751) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (100.990.000) | (809.400.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 42.779.716.370 | 30.629.145.467 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | 21 | | (849.430.765) | (10.906.071.294) |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 23 | 5.260.818 | 12.726.634 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (844.169.947) | (10.893.344.660) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | 222.580.000.000 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (33.500.000.000) | (238.943.506.009) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (33.500.000.000) | (16.363.506.009) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 8.435.546.423 | 3.372.294.798 |
| (50=20+30+40) | | | | |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 5 | 11.519.846.018 | 8.147.551.220 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 5 | 19.955.392.441 | 11.519.846.018 |
| (70=50+60) | | | | |

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hiệp

Nguyễn Văn Hiệp

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đặng Văn Thế